

ĐỀ NGOẠI NHỊ Y5- 2018
THỜI GIAN 50 PHÚT (64 Câu) . ĐỀ 001

Câu 1: **Tim câu đúng**

- ☒ A. Biến chứng cắt bao quy đầu là chảy máu
- B. Chỉ định cắt bao quy đầu là khi có paraphymosis
- C. Chỉ định cắt bao quy đầu là khi có cong dương vật
- D. Chỉ định cắt bao quy đầu khi có vùi dương vật
- E. Tất cả đều đúng

Câu 2: **Tim câu sai**

- A. Chỉ định tuyệt đối cắt bao quy đầu là BXO
- B. Cắt bao quy đầu có thể gây thủng niệu đạo
- ☒ C. Cắt bao quy đầu là thủ thuật đơn giản ít gây biến chứng
- D. Không cắt bao quy đầu ở trẻ bị vùi dương vật
- E. Biến chứng cắt bao quy đầu là hẹp lỗ sáo

Câu 3: **Chống chỉ định cắt bao quy đầu**

- A. Theo tôn giáo
- B. BXO
- C. Dài da quy đầu
- ☒ D. Thoát vị bẹn túi to
- E. Hẹp da quy đầu đang nông da quy đầu

Câu 4: **Thương tổn nào không phải biến chứng cắt bao quy đầu**

- A. Phù nề da quy đầu
- B. Sẹo xấu
- C. Thủng niệu đạo
- ☒ D. Hẹp miệng sáo
- ☒ E. Són tiểu sau cắt da quy đầu

Câu 5: **Thận bắt đầu bài tiết ra nước tiểu ở tuần lễ thứ**

- ☒ A. 10
- B. 12
- C. 14
- D. 16
- E. 18

Câu 6: **Dẫn đường tiết niệu trên có nghĩa là , ngoại trừ**

- A. Sự rộng hóa đường tiết niệu chưa hoàn chỉnh
- B. Sự trưởng thành chậm của đường tiết niệu
- C. Đã có tắc ở bên dưới
- D. Chưa chắc chắn, có thể thay đổi theo thời gian, tốt hơn hoặc xấu hơn
- ☒ E. Là một trường hợp điển hình của tắc nghẽn hệ niệu đòi hỏi phải can thiệp phẫu thuật

Câu 7: **Có thể phát hiện được ứ nước ở thận thai nhi tuần lễ thứ:**

- ☒ A. 15
- B. 18
- C. 20
- D. 25
- E. 30

Câu 8: **Xạ hình thận trong chẩn đoán tắc khúc nối bể thận niệu quản là**

- A. Một phương tiện cần lâm sàng cần thiết để chẩn đoán
- ☒ B. Cho biết chứng năng chính xác mỗi bên thận
- C. Sử dụng cho mọi lứa tuổi
- D. Có thể áp dụng thường quy cho tất cả trường hợp có thận ứ nước
- E. Có tính phổ biến

Câu 9: **Dị dạng nào không hay phối hợp với hẹp khúc nối bể thận niệu quản**

- A. Thận đa nang
- B. Trào ngược ngược bàng quang niệu quản
- C. Thận và niệu quản dài
- ☒ D. Thận lạc chỗ
- E. Nhóm VACTERL

Câu 10: **Phim chụp bể niệu đường tĩnh mạch (UIV) cho biết**

- ☒ A. Hình ảnh dẫn đài bể thận (nếu có)
- B. Cho biết chính xác chức năng thận
- C. Đánh giá chính xác tắc nghẽn hệ niệu
- D. Là chẩn lâm sàng thay thế được siêu âm
- E. Áp dụng thường quy cho mọi trường hợp thận ứ nước

Câu 11: Tinh hoàn ẩn: tìm câu đúng

- ☒ A. Gặp nhiều ở trẻ sinh non
- B. Nên được mổ càng sớm càng tốt ngay ở tuổi sơ sinh
- C. Hay còn gọi là tinh hoàn di động
- D. Tinh hoàn di chuyển qua ống bẹn trong 2 tháng đầu của thai kỳ
- E. Siêu âm cho biết vị trí chính xác của tinh hoàn

Câu 12: Tinh hoàn ẩn ở trẻ non tháng, tìm câu đúng

- A. Ít gặp hơn ở trẻ đủ tháng
- B. Thường bắt đầu di chuyển xuống bìu khi đứa trẻ được 6 tháng tuổi
- C. Tỷ lệ tự di chuyển xuống bìu cao nhất trong 12 tháng đầu sau sinh **3 tháng**
- D. Cần phẫu thuật can thiệp sớm ở thời điểm 3 tháng tuổi
- ☒ E. Có thể một bên hoặc 2 bên

Câu 13: Tinh hoàn di động

- A. Hay còn gọi là tinh hoàn co rút **thể cao**
- B. Hay còn gọi là tinh hoàn ẩn
- C. Cần can thiệp phẫu thuật ngay thời điểm chẩn đoán **6 tháng**
- ☒ D. Bệnh sử và thăm khám giúp chẩn đoán xác định
- E. Có thể sờ thấy hoặc không sờ thấy khi thăm khám

Câu 14: Tinh hoàn co rút

- A. Rất khó chẩn đoán bằng khám
- B. Hay còn gọi là tinh hoàn di động
- ☒ C. Có nguy cơ xoắn tinh hoàn
- D. Phẫu thuật trong tất cả trường hợp được chẩn đoán
- E. Yếu tố bệnh sử không giúp ích cho chẩn đoán

Câu 15: Bệnh lý học của thoát vị bẹn ở trẻ em là

- A. Do thành bụng của trẻ em yếu
- B. Thường gặp ở trẻ tăng động
- C. Do tổn thương ống phúc tinh mạc
- ☒ D. Do có nhiều dịch trong ổ bụng thoát xuống bẹn
- E. Do biến chứng phẫu thuật vùng bẹn bìu

Câu 16: Chọn câu đúng về bệnh lý tồn tại ống phúc tinh mạc ở trẻ em

- A. Tần suất 0,8-4 % trẻ em
- B. Trẻ sinh non có tỉ lệ cao khoảng 30%
- C. Thường gặp năm đầu tháng đầu
- D. Nam bệnh nhiều hơn nữ
- ☒ E. Tất cả đều đúng

Câu 17: Xử trí bệnh lý tồn tại ống phúc tinh mạc chọn câu SAI:

- A. Thoát vị bẹn mổ sớm ngay khi có chẩn đoán
- B. Thùng tinh mạc, mang thùng tinh mổ từ 12-24 tháng tuổi
- C. Nguyên tắc phẫu thuật là cột chặt ống phúc tinh mạc
- ☒ D. Thoát vị bẹn ở nữ (thoát vị ống nuck) thường tự lành không cần phẫu thuật
- E. Mổ thoát vị ống nuck phải mở ống nuck kiểm tra do 20 % là thoát vị bẹn trượt

Câu 18: Chẩn đoán phân biệt thoát vị bẹn nghẹt:

- A. Viêm hạch bẹn bìu
- B. Viêm mào tinh hoàn
- C. Xoắn tinh hoàn
- D. Viêm tinh hoàn
- ☒ E. Tất cả đều đúng

Câu 19: Thoát vị bẹn,

- A. Thường gặp ở trẻ đủ tháng hơn non tháng
- ☒ B. Tạng thoát vị có thể là mạc nối, ruột non, manh tràng
- C. Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn không có nguy cơ tổn thương tinh hoàn
- D. Có khả năng tự lành sau 12 tháng
- E. Không đáp án nào đúng

Câu 20: Thoát vị bẹn,

- A. Thường gặp ở trẻ từ tháng hơn non tháng
- ☒ B. Tạng thoát vị có thể là mạc nối, ruột non, manh tràng
- C. Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn không có nguy cơ tổn thương tinh hoàn
- D. Có khả năng tự lành sau 12 tháng
- E. Không đáp án nào đúng

Câu 21: Trẻ 3 ngày tuổi không đi tiêu phân su sau sanh, bụng chướng to, ói dịch xanh. Chẩn đoán nghĩ tới (chọn 1 câu đúng nhất)

- A. Teo hồng tràng
- B. Teo hồi tràng
- ☒ C. Teo đại tràng
- D. A và B
- ☒ E. B và C

Câu 22: Tiền căn mẹ đa ối thường gặp trong các bệnh sau. TIÊU

- A. Teo thực quản
- B. Teo môn vị
- C. Teo tá tràng
- D. Teo hồng tràng
- ☒ E. Teo hồi tràng

Câu 23: Hình ảnh không gặp trên XQ ngực bụng không sửa soạn của bệnh nhi bị teo thực quản có dò khí thực quản đầu xa

- A. Viêm phổi
- B. Bọng tim to
- C. Hơi trong dạ dày
- ☒ D. Bụng mờ
- E. Biến dạng cột sống

Câu 24: Xoắn ruột trong xoay ruột bất toàn:

- A. Ruột ở tư thế 90 độ
- B. Ruột ở tư thế 180 độ
- C. Chấn mạc treo ngắn
- D. Câu a và c
- ☒ E. Câu b và c

Câu 25: Bé trai 2 ngày tuổi ói dịch xanh, chẩn đoán đầu tiên nghĩ tới

- A. Teo thực quản
- B. Teo tá tràng
- C. Teo hồi tràng
- ☒ D. Xoắn ruột do xoay ruột bất toàn
- E. Lòng ruột

Câu 26: Bé 2 ngày tuổi ói dịch xanh từ sau sanh, bụng trướng, không đi tiêu phân su, chẩn đoán phù hợp

- A. Teo thực quản
- B. Teo tá tràng
- ☒ C. Teo hồi tràng
- D. Xoắn ruột do xoay ruột bất toàn
- E. Lòng ruột

Câu 27: Bé 2 ngày tuổi ói dịch xanh từ sau sanh, bụng xẹp, không đi tiêu phân su, chẩn đoán phù hợp

- A. Teo thực quản
- ☒ B. Teo tá tràng
- C. Teo hồi tràng
- D. Xoắn ruột do xoay ruột bất toàn
- E. Lòng ruột

Câu 28: Chọn 1 câu sai về tắc ruột sơ sinh

- A. Tùy thuộc dị tật phối hợp (VACTERL)
- B. Cần ekip phẫu thuật – gây mê – hồi sức tốt
- ☒ C. Cần tái lập lưu thông ruột thì đầu trong các trường hợp
- D. Cần loại trừ xoắn ruột
- E. Kết quả tùy tình trạng trẻ đến sớm hay muộn

Câu 29: Tìm 1 câu sai về teo tá tràng

- A. Hay kèm hội chứng Down
- B. Mẹ đa ối
- C. Bệnh nhân thường ói sớm
- ☒ D. Bụng trướng
- E. XQ bụng không sửa soạn cho hình ảnh 2 bóng hơi

Câu 30: Các dấu hiệu cần thăm khám trên một bệnh nhi có nghi ngờ tắc ruột sơ sinh

- A. Đặt thông dạ dày
- B. Đặt thông hậu môn
- C. Tìm dị tật phối hợp
- D. Câu a và c
- ☒ E. Câu a, b, c

Câu 31: Xét nghiệm nào không cần thực hiện trên trẻ sơ sinh có hội chứng rắc ruột thấp

- A. X quang bụng không sửa soạn
- ☒ B. X quang dạ dày tá tràng cân quang
- C. X quang đại tràng cân quang
- D. Siêu âm bụng
- E. Điện giải đồ

Câu 32: Điều trị phẫu thuật xoắn ruột do ruột xoay bất toàn, chọn câu sai

- ☒ A. Là phẫu thuật tri hoãn
- B. Tháo xoắn ruột ngược chiều kim đồng hồ
- C. Đưa ruột về tư thế 90 độ
- D. Mở rộng chân mạc treo
- E. Cắt ruột thừa dự phòng

Câu 33: Nguyên tắc trong quản lý bướu ác tính trẻ em:

CHẨN ĐOÁN → Staging → ĐIỀU TRỊ

- ☒ A. Tiên lượng
- B. Xét chỉ định hóa trị
- C. Xét chỉ định phẫu thuật
- D. Xét chỉ định xạ trị

Câu 34: Bướu ác tính trước hoặc trong lúc mổ có thêm kết quả di căn hạch lympho vùng được xếp nhanh theo giai đoạn

- A. I
- B. II
- ☒ C. III
- D. IV
- E. GD III hoặc IV

Câu 35: Hạch nách trái ở trẻ dưới 6 tháng tuổi

- A. Lymphom
- B. Bướu trung thất di căn hạch
- C. Hạch do phản ứng nhiễm trùng không do lao
- ☒ D. Hạch sau tiêm ngừa lao
- E. Ung thư đầu cổ di căn hạch

Câu 36: Khi chọn phác đồ hóa trị cần phải xét một số mục tiêu chuẩn sau

- A. Xếp giai đoạn trước hoặc sau mổ
- B. Đánh giá mức độ nguy cơ
- C. Kết quả mô bệnh học
- D. Đánh giá đáp ứng sau 2-4 chu kỳ hóa trị
- ☒ E. Tất cả đều đúng

Câu 37: Bướu vùng cụt ở trẻ sơ sinh có dạng quả tạ với phần bướu nằm trước vùng xương cụt thường gặp nhất

- A. Rhabdomyosarcoma
- B. Lymphoma
- ☒ C. Germ-cell tumors
- D. Neuroblastoma
- E. Sarcoma kém biệt hóa

Câu 38: Nồng độ α -fetoprotein rất có ý nghĩa trong loại ung thư

- A. Hepatocell carcinoma
- ☒ B. Hepatoblastoma
- C. Germ-cell tumors
- D. Rhabdomyosarcoma
- E. A hoặc B đúng

ở TE <12 tháng thì khó xác định quan hệ bướu gan - AFP nhưng AFP hepatoblastoma sẽ tiếp tục tăng qua 2 lần khảo sát cách 5-7 ngày

Câu 39: Theo dõi điều trị Hepatoblastoma dựa trên

- A. Định lượng AFP trong máu
- B. Siêu âm định kỳ
- C. AFP trong máu trắng mà không rõ lý do; chụp CT phổi não bụng
- D. Trong trường hợp tái phát nên TBM trước khi điều trị lại
- ☒ E. Tất cả đều đúng

Tumor board meetings

Câu 40: Hội chứng di truyền WAGR (bướu wilms, không móng mắt, bất thường hệ niệu dục, chậm phát triển trí tuệ) có ý nghĩa

- A. Tầm soát bướu Wilms trọn đời
- B. Hội chứng di truyền WAGR + bướu Wilms tiên lượng xấu
- C. Hội chứng di truyền WAGR + bướu Wilms tiên lượng tốt
- ☒ D. Giúp phát hiện sớm bướu Wilms trước 4 tuổi do đó ở giai đoạn sớm nên kết quả điều trị tốt
- E. Tất cả đều đúng

For children with WAGR and WT1-related syndromes: every three months until age five years.

Câu 41: Nhóm bướu nào thường gặp trong các xoang tự nhiên cơ thể như xoang vùng mặt, ống mật chủ, bàng quang, âm đạo hoặc lộ ra ngoài cơ quan sinh dục nữ dạng chùm nho

- ☒ A. Rhabdomyosarcoma
- B. Lymphoma
- C. Germ-cell tumors
- D. Neuroblastoma
- E. Tất cả đều đúng

Câu 42: Hạch vùng cổ trẻ em có chỉ định sinh thiết hạch với các đặc điểm sau

- Tính chất hạch: kích thước tăng 3 chiều
- Điều trị kháng sinh nhưng giảm kích thước sau 2-3 tuần
- Hạch không lớn nhưng không giảm kích thước sau 5-6 tuần hay 6-12 tuần không về bình thường
- Kèm sốt, thiếu máu, gan lách to

Bệnh ác tính thường gặp

- A. Ung thư dạ dày di căn hạch
- B. Carcinon tuyến vú di căn hạch
- C. Ung thư tuyến giáp di căn hạch
- D. Ung thư vòm hầu di căn hạch
- ☒ E. Lymphom

Câu 43: Tìm câu SAI: lồng ruột

- A. Hội chứng tắc ruột
- ☒ B. Chỉ xảy ra ở tuổi nhũ nhi
- C. Xuất độ thường gặp ở trẻ dinh dưỡng tốt (bụ bẫm)
- D. Năm gặp nhiều hơn nữ
- E. Đa số trường hợp không có nguyên nhân

Câu 44: Một khối lồng thường có mấy lớp vỏ

- A. 1
- B. 2
- ☒ C. 3
- D. 4
- E. 5

Câu 45: Chỉ định phẫu thuật trong bệnh lý lồng ruột ở trẻ em

- A. Đến trẻ hơn 24 h sau tiếng khóc thét đầu tiên
- B. Tháo lồng không mổ thất bại
- C. Biến chứng viêm phúc mạc do hoại tử ruột
- ☒ D. B và C đúng
- E. A, B và C đúng

Câu 46: Cận lâm sàng thường dùng nhất hiện nay để giúp chẩn đoán chính xác lồng ruột

- ☒ A. Siêu âm
- B. XQ đại tràng cản quang
- C. Chụp cắt lớp điện toán bụng
- D. Câu a và b
- E. Tất cả đều đúng

Câu 47: Điều trị tháo lồng ko mổ, chọn câu SAI

- A. Đặt và lưu thông dạ dày trong mọi trường hợp
- B. Có thể tháo lồng bằng hơi, nước muối sinh lý, barit
- C. Hiện nay tháo lồng bằng hơi với áp lực chuẩn có van an toàn phổ biến nhất tại Việt Nam
- ☒ D. An toàn trong mọi trường hợp
- E. Tháo lồng bằng hơi ko nên tháo quá 3 lần

Câu 48: Triệu chứng cơ năng xuất hiện sớm nhất của lồng ruột

- ☒ A. Khóc thét từng cơn do đau bụng
- B. Sốt
- C. Bỏ bú
- D. Tiểu máu
- E. Nôn

Câu 49: Tính chất tiểu máu trong lồng ruột

- A. Xuất hiện 24h sau cơn đau đầu tiên **12h**
- B. Tiểu nhày máu
- C. Do tổn thương mao mạch
- D. A,C
- ☒ E. B,C

Câu 50: Triệu chứng thực thể quan trọng nhất cần tìm trong lồng ruột

- A. Tiểu nhày máu
- B. Thăm trực tràng thấy đầu khối lồng
- C. Dấu hiệu Dance
- ☒ D. Sờ thấy u lồng
- E. Bụng chướng

Câu 51: Những đặc điểm gợi ý lồng ruột do nguyên nhân thứ phát

- A. Lồng ruột tái phát nhiều lần
- B. Lồng ruột trên bệnh nhân có bệnh lý toàn thân như ban xuất huyết dạng thấp, viêm quầng niêm dịch
- C. Gặp ở trẻ >2 tuổi và <2 tháng
- D. A,B
- ☒ E. A,B,C

Câu 52: Cơ chế sinh lý bệnh của lồng ruột

- A. Tổn thương động mạch gây xuất huyết và xuất tiết nhày
- B. Tổn thương thần kinh thực vật gây nôn sớm
- C. Tổn thương tĩnh mạch gây phù nề ruột
- D. A,C
- ☒ E. B,C

Câu 53: Điều nào sau đây không đúng về bệnh Hirschsprung

- ☒ A. Nữ gặp nhiều hơn nam
- ☐ B. Tỷ lệ mắc tăng trong hội chứng Down
- ☐ C. Không có hạch thần kinh trong đám rối Auerbach và Meissner
- ☐ D. Thường không đi kèm trong tình trạng viêm ruột
- ☐ E. Có thể ảnh hưởng đến ruột non

Câu 54: Bé trai 6 tuổi, nhập viện vì tiêu bón kéo dài từ sau sinh, các vấn đề sau đây phù hợp với bệnh Hirschsprung, trừ

- ☐ A. Tiễn cần chậm tiêu phân su sau 48 giờ
- ☐ B. Suy dinh dưỡng
- ☐ C. Đặt thông hậu môn thấy phân lỏng, hôi, xám trào ra
- ☐ D. Sờ thấy u phân

☒ E. Vàng da

Câu 55: Dấu hiệu nào trong thăm khám lâm sàng gợi ý bệnh Hirschsprung

- ☐ A. Tiêu phân su và giờ 24 sau sanh
- ☒ B. Dấu tháo cống
- ☐ C. Hậu môn thực tràng không hẹp
- ☐ D. A và B

☒ E. Câu B và C

Câu 56: Cận lâm sàng sau đây là quan trọng nhất để chẩn đoán bệnh Hirschsprung

- ☐ A. X quang bụng không sửa soạn thấy khung đại tràng dẫn, ú hơi
- ☐ B. X quang đại tràng cản quang thấy hình ảnh một đoạn hẹp ở trực tràng bên đại tràng dẫn to
- ☒ C. Giải phẫu bệnh không có tế bào hạch thần kinh trong hai lớp cơ ruột
- ☐ D. Câu B và C
- ☐ E. Tất cả đều đúng

Câu 57: Hình ảnh x quang đại tràng cản quang của bệnh Hirschsprung

- ☐ A. Có đoạn chuyển tiếp theo sau đoạn hẹp và phía trên là đoạn dẫn
- ☐ B. Khẩu kính của thực tràng nhỏ hơn đại tràng xích ma
- ☐ C. Chậm thải thuốc sau 24 giờ
- ☐ D. Câu A và B
- ☒ E. Tất cả đều đúng

Câu 58: Điều trị phù hợp đối với bệnh Hirschsprung

- ☐ A. Phải mổ ngay khi có chẩn đoán
- ☐ B. Có thể điều trị hỗ trợ trước, gồm thụt tháo và nong hậu môn
- ☐ C. Điều trị viêm ruột nếu có
- ☐ D. Câu A và B

☒ E. Câu B và C

Câu 59: Triệu chứng nào sau đây gợi ý nang đường mật ở trẻ em

- ☒ A. Đau bụng
- ☐ B. Sốt
- ☒ C. Vàng da tắc mật từng đợt
- ☐ D. Túi mật to
- ☐ E. Bụng trướng

Câu 60: Tam chứng kinh điển trong nang đường mật :

- ☐ A. Đau bụng, vàng da, gan to
- ☒ B. Vàng da đau bụng u dưới sườn phải
- ☐ C. Đau bụng, sốt, vàng da
- ☐ D. Vàng da, đau bụng, túi mật to
- ☐ E. Không câu nào đúng

Câu 61: Khám bệnh nhi trên thấy có vàng da – vàng mắt, các xét nghiệm cận lâm sàng cần làm ngay trên bệnh nhi này. NGOẠI TRỪ

- A. CRP
- B. Siêu âm bụng
- C. Bilirubin máu
- ☒ D. Chụp cộng hưởng từ tủy mật
- E. Men gan

Câu 62: Bé trai 1 tuổi bị vàng da tắc mật, bệnh nào có thể nghi tới

- A. Teo đường mật
- ☒ B. Nang đường mật
- C. Viêm gan
- D. Câu A và B
- E. Tất cả đều đúng

Câu 63: Điều trị nang đường mật

- ☒ A. Điều trị sớm nhất có thể
- B. Nén mổ khi nang > 2 cm
- C. Phải chụp CRCP trước mổ [ko nên mổ trên các bệnh nhi đang bị viêm tụy]
- D. Bệnh nhi đang nhiễm trùng đường mật nên mổ sớm để giải quyết nguyên nhân gây nhiễm trùng
- E. Cắt nang sẽ dễ dàng hơn trên các bệnh nhi lớn do đó không cần mổ sớm

Câu 64: Xét nghiệm hình ảnh thường dùng nhất để chẩn đoán nang đường mật ở trẻ em

- ☒ A. X quang đường mật cản quang
- ☒ B. Siêu âm bụng
- C. Cộng hưởng từ mật tụy
- D. Câu A và B
- E. Câu B và C